TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2024/DS-PT
Ngày: 19 -12 -2024
V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Công Hoàn

Bà Nguyễn Thị Bích Thảo

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Nghị – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm vụ án Dân sự số 232/2024/TLPT-DS ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 43/2024/DS-ST ngày 09/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 457/2024/QĐ-PT ngày 05/11/2024; Quyết định hoãn phiên toà số 230/2024QĐ-PT ngày 25/11/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Á (gọi tắt ABC); địa chỉ: Số D, đường N, Phường E, Quận C, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Từ Tiến P, Chức vụ: Tổng Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật.

Ông Lê Thanh H, Chức vụ: Giám đốc phòng quản lý nợ, là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền số 1075/UQQ-QLN.22 ngày 22/6/2022).

Người đại diện theo uỷ quyền ông Đỗ Đức H1 (văn bản uỷ quyền ngày 20/3/2024).

Bị đơn: Ông Trần Long N, sinh năm 1987; địa chỉ: Số F, đường N, Phường I, thành phố Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Trần Hòa L, sinh năm 1963.

+ Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ: Số F, đường N, Phường I, thành phố Đ.

Người đại diện theo uỷ quyền ông Lê Cao T, sinh năm 1972; địa chỉ: Số A, đường N, Phường B, thành phố Đ (Văn bản uỷ quyền ngày 19/12/2024).

+ Bà Hồ Thụy Thảo N1, sinh năm 1989; địa chỉ: thôn Đ, xã X, thành phố Đ.

Người kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần Á- nguyên đơn.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt.

Ông H1, ông N1, ông T có mặt; Các đương sự khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Á có ông Đỗ Đức H1 đại diện theo ủy quyền trình bày:*Ngân hàng thương mại cổ phần Á (gọi tắt là A) cho ông Trần Long N vay số tiền 4.900.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng số DLT.CN.480.260719 ngày 26/7/2019, thời hạn vay 180 tháng kể từ ngày 27/7/2019 đến 26/7/2034, lãi suất quy định là 10,5%/năm, cố định trong 03 tháng, kể từ ngày kế tiếp bên được thế chấp cấp tín dụng nhận tiền vay, được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức LS13+4,85%/năm+X, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm và khế ước nhận nợ số 01, số tham chiếu 288722649 ngày 26/7/2019. Trong quá trình vay vốn, ông Trần Long N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 15/01/2020, Ngân hàng thương mại cổ phần Á đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ số nợ vay còn lại chưa thanh toán của khế ước nhận nợ số 288722649 đồng. Ngân hàng thương mại cổ phần Á yêu cầu ông Trần Long N phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng số tiền là 5.331.595.126 đồng (Bằng chữ: Năm tỷ ba trăm ba mươi mốt triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn một trăm hai mươi sáu đồng), trong đó gồm: gốc 4.872.777.000 đồng (vì ông Long N đã trả được tiền gốc là 27.223.000 đồng), lãi trong hạn 243.514.862 đồng, lãi quá hạn 204.36.358 đồng, lãi phạt chậm trả là 10.866.906 đồng; và còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn, phạt chậm lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, tính từ ngày 22/4/2020 đến ngày trả dứt nợ, thứ tự trả nợ: vốn gốc, phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

Ông Trần Long N đã thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần Á tài sản là quyền sử dụng đất ở và nhà ở tại 2 P, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, thuộc thửa đất 279, tờ bản đồ số 10, diện tích 146,76 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4201021774 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 15/11/2004 cập nhập thay đổi chuyển nhượng cho ông Trần Long N ngày 25/7/2019 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số DLT.BĐCN.36.260719, được công chứng tại Phòng C, tỉnh Lâm Đồng ngày 26/7/2019, số công chứng 2627 và đăng ký thế chấp theo đúng quy định của pháp luật. Nếu ông Trần Long N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 279 tờ bản đồ số 10, địa chỉ: 2 P, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Ông Trần Hòa L và bà Nguyễn Thị H2 là cha mẹ ruột của ông Trần Long N đã ký giấy cam kết về việc trả nợ ngày 26/7/2019. Theo đó, ông L và bà H2 đồng ý cùng trả nợ với bên được cấp tín dụng (ông Trần Long N) theo đúng kỳ hạn và các nội dung khác của hợp đồng tín dụng, Phụ lục hợp đồng, khế ước nhận nợ và các cam kết khác của bên được cấp tín dụng với ngân hàng A. Nghĩa vụ trả nợ bao gồm toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ của bên được cấp tín dụng với A (gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí và các khoản phải trả khác). Vì vậy, buộc ông Trần Hòa L và bà Nguyễn Thị H2 có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo giấy cam kết về việc trả nợ lập ngày 26/7/2019.

Được biết Bản án số 01/2024/HS-ST ngày 15/01/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã có hiệu lực về phần tài sản: Hủy bỏ lệnh kê biên tài sản số 01/VPCQCSĐT ngày 06/3/2020 của Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh L đối với thửa đất số 279, tờ bản đồ số 10, diện tích 146,76 m, trong đó nhà ở tổng diện tích sử dụng là 193,78 m^2, diện tích xây dựng là 112,38 m^2 ở địa chỉ số B P, Phường B, thành phố Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4201021774. Giao tài sản này cho Ngân hàng TMCP Á để xử lý thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần Á yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Trần Long N trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 09/9/2024 là 10.054.439.085 đồng; trong đó gốc 4.872.777.000 đồng, lãi trong hạn 243.514.862 đồng, lãi quá hạn 4.198.424.713 đồng; phạt chậm trả lãi: 739.722.510 đồng, tuy nhiên Ngân hàng có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc ông Long N trả lãi phạt chậm trả là 739.722.510 đồng chỉ yêu cầu ông Long N phải trả số tiền gốc và lãi tính tạm tính đến ngày 09/9/2024 là 9.314.716.575 đồng.

Bị đơn ông Trần Long N trình bày:

Giữa ông và bà Hồ Thụy Thảo N1 là bạn bè nên ông đã đứng tên giúp bà Hồ Thụy Thảo N1 trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 279 tờ bản đồ số 10, địa chỉ: 2 P, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng chứ thực ra không phải là tài sản của ông. Ông dùng tài sản này để thế chấp vay tiền của Ngân hàng thương mại cổ phần Á vì bà Thảo N1 là nhân viên của Ngân hàng thương mại cổ phần Á nên không tiện vay tiền của chính Ngân hàng bà làm việc. Theo đó, ngày 26/7/2019 Ngân hàng TMCP Á cho ông Trần Long N vay số tiền 4.900.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng số DLT.CN.480.260719 ngày 26/7/2019, thời hạn vay 180 tháng kể từ ngày 27/7/2019 đến 26/7/2034, lãi suất quy định là 10,5%/năm, cố định trong 03 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày bên được thế chấp cấp tín dụng nhận tiền vay, được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức LS13+4,85%/năm+X, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm.

Ông Trần Long N đã thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần Á tài sản là quyền sử dụng đất ở và nhà ở tại 2 P, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, thuộc thửa đất 279, tờ bản đồ số 10, diện tích 146,76m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4201021774 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 15/11/2004 cập nhập thay đổi chuyển nhượng cho ông Trần Long N ngày 25/7/2019 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số DLT.BĐCN.36.260719, được công chứng và đăng ký thế chấp theo đúng quy định của pháp luật.

Ông Trần Hòa L và bà Nguyễn Thị H2 là cha mẹ ruột của ông Trần Long N có ký vào Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 26/7/2019.

Theo như đơn khởi kiện, Ngân hàng TMCP Á khởi kiện buộc ông phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 21/4/2020 là 5.331.595.126 đồng (Bằng chữ: Năm tỷ ba trăm ba mươi mốt triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn một trăm hai mươi sáu đồng), trong đó gồm: gốc 4.872.777.000 đồng, lãi trong hạn 243514.862 đồng, lãi quá hạn 204.36.358 đồng, lãi phạt chậm trả là 10.866.906 đồng và còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn, phạt chậm lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, tính từ ngày 22/4/2020 đến ngày trả dứt nợ, thứ tự trả nợ: vốn gốc, phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn, lãi trong hạn thì trong quá trình làm việc ở các lần hoà giải tại Toà án ông đồng ý. Tuy nhiên tại phiên toà, đại diện Ngân hàng yêu cầu ông trả số tiền gốc và lãi tính đến ngày 09/9/2024 là 9.314.716.575 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ ba trăm mười bốn triệu bảy trăm mười sáu nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng), trong đó gồm: gốc 4.872.777.000 đồng, lãi trong hạn 243.514.862 đồng, lãi quá hạn 4.198.424.713 đồng thì ông chỉ đồng ý trả tiền gốc đã vay, không đồng ý trả tiền lãi.

Việc việc Ngân hàng yêu cầu cha mẹ ông là ông Trần Hòa L, bà Nguyễn Thị H2 có trách nhiệm cùng ông trả nợ cho Ngân hàng thì ông không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Hòa L và bà Nguyễn Thị H2 ủy quyền cho ông Lê Canh T1 trình bày: ông L, bà H2 thừa nhận Ngân hàng TMCP Á đã cấp tín dụng số DLT.CN.480.260719 ngày 26/7/2019 giải ngân cho ông Trần Long N là con trai của ông bà vay số tiền 4.900.000.000 đồng. Ông Long N đã thế chấp cho Ngân hàng tài sản là quyền sử dụng đất ở và nhà ở tại 2 P, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Ông bà thừa nhận có ký giấy cam kết về việc trả nợ ngày 26/7/2019 vì khi Long N vay tiền thì Ngân hàng bắt buộc người thân của Long N ký vào. Nay Ngân hàng TMCP Á khởi kiện buộc ông Trần Long N trả cho Ngân hàng TMCP Á tổng số nợ gốc và nợ lãi thì yêu cầu Toà án giải quyết vụ án theo quy định. Còn đối với việc Ngân hàng TMCP Á yêu cầu vợ chồng ông bà phải có trách nhiệm liên đới cùng với ông Trần Long N trả nợ thì ông bà không đồng ý.

- Bà Hồ Thị Thảo N2 trình bày: Bà và ông Trần Long N là chỗ bạn bè với nhau. Tài sản tại số B P, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng là của bà nhờ ông Trần Long N đứng tên giùm. Ngân hàng TMCP Á đã cấp tín dụng số DLT.CN.480.260719 ngày 26/7/2019 giải ngân cho ông Trần Long N vay số tiền 4.900.000.000 đồng. Bà Thảo N2 có biết việc ông Long N dùng tài sản số B P, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng thế chấp cho Ngân hàng để bảo đảm khoản vay. Nay Ngân hàng khởi kiện ông Trần Long N phải có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng giữa ông Long N và Ngân hàng A đã ký kết thì bà không có ý kiến gì. Việc sau này giữa bà và ông Long N nếu có tranh chấp đối với tài sản số B P, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng thì sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Các đương sự đều khẳng định tài sản tại số B P, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng hiện không có ai sinh sống hay chuyển nhượng cho bên thứ ba.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 43/2024/DSST ngày 09/9/2024 của Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt đã xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Á về lãi phạt chậm trả số tiền là 739.722.510 đồng đối với ông Trần Long N.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Á về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* đối với bị đơn ông Trần Long N.

Buộc ông Trần Long N phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Á số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 09/9/2024 là 9.314.716.575 đồng *(Bằng chữ: Chín tỷ ba trăm mười bốn triệu bảy trăm mười sáu nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng),* trong đó gồm: gốc 4.872.777.000 đồng, lãi trong hạn 243.514.862 đồng, lãi quá hạn 4.198.424.713 đồng).

Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số số DLT.BĐCN.36.260719, được công chứng tại Phòng C, tỉnh Lâm Đồng ngày 26/7/2019, số công chứng 2627 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Á và ông Trần Long N đối với 279 tờ bản đồ số 10, diện tích 146,76m^2 , trong đó nhà ở tổng diện tích sử dụng là 193,78m^2, diện tích xây dựng là 112,38m^2 địa chỉ: 2 P, Phường B, thành phố Đ theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4201021774 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 15/11/2004 cập nhật thay đổi chuyển nhượng cho ông Trần Long N ngày 25/7/2019 để đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Á về việc buộc ông Trần Hòa L và bà Nguyễn Thị H2 phải có trách nhiệm liên đới cùng với ông Trần Long N trả số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 25/9/2024, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Á (A) kháng cáo không đồng ý một phần nội dung của bản án sơ thẩm. Đề nghị, Toà án cấp phúc thẩm sửa một phần nội dung của bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông Trần Hòa L và bà Nguyễn Thị H2 có trách nhiệm liên đới cùng với ông Trần Long N trả nợ cho Ngân hàng.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt kháng nghị một phần nội dung bản án sơ thẩm. Đề nghị, Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Trần Hòa L, bà Nguyễn Thị H2 có trách nhiệm liên đới cùng với ông Trần Long N trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa,

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Hòa L, bà Nguyễn Thị H2 có người đại diện theo uỷ quyền ông Lê Cao T không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng rút toàn bộ Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, có đơn xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[1.2] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định theo đúng quy định của pháp luật; đơn kháng cáo của Ngân hàng T2; Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt; thủ tục kháng cáo, kháng nghị được thực hiện theo đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt:

[2.1] Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng rút toàn bộ kháng nghị số 15/QĐ-VKS-DS ngày 24/9/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt. Căn cứ khoản 3 Điều 284 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt.

[2.2] Xét kháng cáo của nguyên đơn buộc ông Trần Hòa L và bà Nguyễn Thị H2 có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Ngân hàng.

Theo Giấy cam kết về việc trả nợ ghi ngày 27/6/2019, có chữ ký của ông Trần Hòa L và bà Nguyễn Thị H2, ông bà thừa nhận đây là chữ viết, chữ ký của ông bà; đồng thời, nội dung cam kết tại mục 3 thể hiện " *Trường hợp khoản nợ đến hạn mà bên được cấp tín dụng hoặc bên cam kết không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì bên cam kết đồng ý cho A tạm*

ngưng các giao dịch làm giảm số dư tài khoản của bên cam kết tại A.... Bên cam kết đồng ý cho A trích tiền từ các tài khoản của bên cam kết tại A để thực hiện nghĩa vụ trả nợ...”.

Như vậy, theo nội dung trên ông L, bà H2 đã thoả thuận cùng với A sử dụng tài khoản cá nhân của mình để cam kết trả nợ cùng với ông N. Nếu ông N vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng hoặc thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ. Tại phiên toà, đại diện cho Ngân hàng cũng xác nhận hiện tại ông L, bà H2 không mở tài khoản tại A. Người đại diện theo uỷ quyền của ông L, bà H2 trình bày ông L và bà H2 không có tài khoản tại Ngân hàng A. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ông L, bà H2 cùng liên đới có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Các phần khác của bản án các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2.4] Từ những phân tích trên, cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính của vụ án nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 3 Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 4 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử đối với kháng nghị số 15/QĐ-VKS-DS ngày 24/9/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Á

Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 43/2024/DSST ngày 09/9/2024 của Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt.

Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Á (A) về lãi phạt chậm trả số tiền là 739.722.510 đồng đối với ông Trần Long N.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Á về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* đối với bị đơn ông Trần Long N.

Buộc ông Trần Long N phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 09/9/2024 là 9.314.716.575đ *(Bằng chữ: Chín tỷ ba trăm mười bốn triệu bảy trăm mười sáu nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng),* trong đó gồm: gốc 4.872.777.000 đồng, lãi trong hạn 243.514.862 đồng, lãi quá hạn 4.198.424.713 đồng).

Kể từ ngày 10/09/2024 ông Trần Long N tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền nợ gốc của hợp đồng tín dụng số DLT.C.480.260719 ngày 27/7/2019 cho đến khi thi hành xong khoản tiền nợ gốc trên.

3. Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số DLT.BĐCN.36.260719, được công chứng tại Phòng C, tỉnh Lâm Đồng ngày 26/7/2019, số công chứng 2627 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Á và ông Trần Long N đối với thửa đất số 279 tờ bản đồ số 10, diện tích 146,76m^2, trong đó nhà ở tổng diện tích sử dụng là 193,78m^2, diện tích xây dựng là 112,38m^2 địa chỉ: 2 P, Phường B, thành phố Đ, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4201021774 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 15/11/2004 cập nhật thay đổi chuyển nhượng cho ông Trần Long N ngày 25/7/2019 để đảm bảo cho việc thi hành án.

4. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Á về việc buộc ông Trần Hòa L và bà Nguyễn Thị H2 có trách nhiệm liên đới cùng với ông Trần Long N trả số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng.

5. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Trần Long N phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Á số tiền 800.000đồng *(Tám trăm nghìn đồng)* chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

6. Về án phí:

Về án phí Dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Trần Long N phải chịu số tiền 117.314.716 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Á số tiền 56.666.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0017617 ngày 25/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt.

Về án phí Dân sự phúc thẩm:

Buộc Ngân hàng thương mại cổ phần Á phải chịu 300.000đồng án phí Dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 000120 ngày 08/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Ngân hàng thương mại cổ phần Á đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

7. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV & THA (01);
- TAND Tp.Đà Lạt 01);
- Chi cục THADS Tp Đà Lạt. (01)
- Đương sự (09);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Tâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Công Hoàn

Nguyễn Thị Bích Thảo

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Tâm